

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 8 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lại.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Hương.

Ông Nguyễn Xuân Huế.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Anh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Đặng Trường Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị C, sinh năm 1991. Nơi ĐKKHKT: Xóm LM, xã KL, huyện ND, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: Xóm X, xã NT, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Tiến D, sinh năm 1989. Địa chỉ: Xóm KL, xã KL, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 22/4/2022, bản tự khai, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn anh Lê Tiến D kết hôn ngày 20/02/2017, có đăng ký kết hôn tại

UBND xã NT, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Năm 2018 anh Lê Tiến D đi xuất khẩu lao động, nguyên đơn đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng liên lạc, quan tâm nhau bình thường. Tháng 3/2022, anh Lê Tiến D về nước, vợ chồng sống chung được hai tuần thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lê Tiến D không chung thủy, có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng không chung sống với nhau cho đến nay. Hiện tại vợ chồng không chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau, không liên lạc và không có biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với anh Lê Tiến D. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Trần Thùy D, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2017. Vợ chồng ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành và yêu cầu anh Lê Tiến D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn anh Lê Tiến D xác định thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn giống nguyên đơn trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống thời gian ngắn thì bị đơn đi xuất khẩu lao động. Đầu năm 2022, bị đơn về nước, vợ chồng chung sống được thời gian ngắn nhưng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Trần Thị C không tin tưởng, ghen tuông vợ có. Hiện tại, vợ chồng không chung sống với nhau, không liên lạc với nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên bị đơn đồng ý ly hôn với chị Trần Thị C. Về con chung: Vợ chồng có một con chung như nguyên đơn trình bày. Vợ chồng ly hôn, bị đơn đồng ý giao con chung cho chị Trần Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 01/8/2022, tại xã KL, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An cung cấp: Anh Lê Tiến D và chị Trần Thị C kết hôn năm 2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại xã KL một thời gian thì anh Lê Tiến D đi xuất khẩu lao động, chị Trần Thị C đưa con chung về bố mẹ đẻ tại xã NT sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến yêu cầu ly hôn, chính quyền địa phương không nắm được. Anh Lê Tiến D và chị Trần Thị C có một con chung là Trần Lê Thùy D, sinh năm 2017, hiện cháu đang sống cùng chị Trần Thị C.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp. Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thủ tục tố tụng đạt đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự theo quy định từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về tình cảm: Chị Trần Thị C được ly hôn anh Lê Tiến D. Về con chung: Giao con chung Lê Trần Thùy D, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2017 cho chị Trần Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lê Tiến D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng. Anh Lê Tiến D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh Lê Tiến D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Trần Thị C yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung với anh Lê Tiến D, cư trú tại xã KL, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị C và bị đơn anh Lê Tiến D vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Lê Tiến D có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình và có đăng ký kết hôn

theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16/2017, ngày 20 tháng 02 năm 2017 của UBND xã NT, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng sống xa nhau thời gian dài, thiếu tin tưởng, tôn trọng nhau nên không tìm được tiếng nói chung. Hiện tại vợ chồng không chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Trần Thị C và anh Lê Tiến D đều có nguyện vọng ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị C được ly hôn anh Lê Tiến D.

[2.2]. Về con chung: Chị Trần Thị C và anh Lê Tiến D có một con chung là Lê Trần Thùy D, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2017. Con chung hiện đang do chị Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trần Thị C có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh Lê Tiến D đồng ý giao con chung cho chị Trần Thị C nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao con chung cho chị Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị C yêu cầu anh Lê Tiến D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Anh Lê Tiến D đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét điều kiện sống tại địa phương, thu nhập của anh Lê Tiến D, Hội đồng xét xử buộc anh Lê Tiến D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 9 năm 2022 đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

[2.4]. Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bị đơn anh Lê Tiến D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4]. Các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và

gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị C và anh Lê Tiến D.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Trần Thùy D, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2017 cho chị Trần Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lê Tiến D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Lê Tiến D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 9 năm 2022 đến khi Lê Trần Thùy D trưởng thành, đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004622, ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Chị Trần Thị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Buộc anh Lê Tiến D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

6. Về thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được Thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Lại